

Bản án số: **07** /2018/DS-PT
Ngày: 05 - 01 - 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2017/TLPT-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972;

1.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Y, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P (chị K), sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Y, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Y, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Lê Hoàng A1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Y, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H trình bày:

Bà V khởi kiện bà P các khoản tiền vay và tiền hui cụ thể như sau:

+ Đối với khoản tiền vay:

- Ngày 10/9/2012 (âl), cho bà P vay 3.5 chỉ vàng 24K, có làm giấy tay, không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay để mua xe.

- Ngày 16/4/2013 (âl), cho bà P vay tiếp 20.000.000 đồng, có làm giấy tay, không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay để cất nhà.

Cả hai lần vay bà P hứa khi thu nhận sẽ trả lại. Tổng cộng 02 lần vay là 3.5 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng, cho đến nay chưa trả.

+ Đối với khoản tiền nợ hui:

- Dây hui thứ 1: Hui 200.000 đồng, khởi khai ngày 25/8/2013 (âl):

Hui gồm 55 phần, mỗi tuần khai 01 lần vào ngày chủ nhật, bà P làm chủ. Bà V tham gia 01 phần và hót hui lần khai thứ 28 với số tiền là: 7.580.000 đồng, nhưng bà P chỉ mới đưa 5.580.000 đồng còn nợ lại 2.000.000 đồng. Dây hui này hiện đã mãn, bà V đã đóng hui chết đầy đủ cho bà P.

- Dây hui thứ 2: Hui 200.000 đồng, khởi khai ngày 06/9/2013 (âl):

Hui gồm 55 phần, mỗi tuần khai 01 lần vào ngày thứ năm, bà P làm chủ. Bà V tham gia 01 phần và hót hui lần khai thứ 31 với số tiền là 8.170.000 đồng, nhưng bà P chỉ mới đưa 6.170.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng. Dây hui này hiện đã mãn, bà đã đóng hui chết đầy đủ cho bà P.

- Dây hui thứ 3: Hui 500.000 đồng, khởi khai ngày 05/4/2012 (âl):

Hui gồm 30 phần, tháng khai 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà P làm chủ hui. Bà V tham gia 01 phần và là hui sống. Bà đóng được 24 lần hui sống với số tiền bao nhiêu không nhớ, chỉ biết hui bị bể giữa chừng tại lần khai thứ 24 vào ngày 05/3/2014 (âl). Sau khi bể hui còn lại 06 phần nữa mới mãn; khi ngưng hui thì bà P thỏa thuận sẽ trả cho 06 người hui sống còn lại theo giá hui chết mỗi người là: 24 phần x 500.000 đồng = 12.000.000 đồng. Nhưng bà P chỉ mới trả cho bà 8.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng.

Số tiền vốn đóng của 24 lần hui sống bao nhiêu bà không nhớ, nhưng bà thống nhất với bà P số tiền vốn đóng của 24 lần là 5.796.000 đồng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm vợ chồng bà V xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng bà P tại dây hui này.

- Dây hui thứ 4: Hui 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 15/9/2013 (âl):

Hụi gồm 30 phần, tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, bà P làm chủ hụi. Bà tham gia 01 phần và là hụi sống. Bà đóng được 13 lần hụi sống với số tiền bao nhiêu không nhớ, chỉ biết hụi bị bể giữa chừng tại lần khai thứ 13 vào ngày 15/3/2014 (âl). Sau khi bể hụi còn lại 17 phần nữa mới mãn; khi ngưng hụi thì bà P thỏa thuận miệng sẽ trả cho 17 người hụi sống còn lại theo giá hụi chết và 13 phần đã khai sẽ bớt 01 phần, còn lại 12 phần, nên mỗi người là: $12 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng}$. Nhưng bà P chỉ mới trả cho bà 10.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng.

Số tiền vốn đóng của 13 lần hụi sống bao nhiêu bà không nhớ, nhưng bà thống nhất với bà P số tiền vốn đóng của 13 lần là 7.570.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng bà V rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi này.

- Dây hụi thứ 5: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 30/11/2012 (âl):

Hụi gồm 25 phần, 02 tháng khai 01 lần vào ngày 30, bà P làm chủ hụi. Bà tham gia 01 phần và là hụi sống. Bà đóng được 08 lần hụi sống với số tiền bao nhiêu không nhớ, chỉ biết hụi bị bể giữa chừng tại lần khai thứ 8 vào ngày 30/01/2014 (âl). Sau khi bể hụi còn lại 17 phần nữa mới mãn; khi ngưng hụi thì bà P thỏa thuận miệng sẽ trả cho 17 người hụi sống còn lại theo giá hụi chết và 08 phần đã khai xin bớt 02 phần, còn lại 06 phần, nên mỗi người là: $06 \text{ phần} \times 3.000.000 \text{ đồng} = 18.000.000 \text{ đồng}$. Sau đó bà V và bà P thống nhất số tiền vốn đóng của 08 lần là: 9.720.000 đồng.

- Dây hụi thứ 6: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/8/2011 (âl):

Hụi gồm 25 phần, 02 tháng khai 01 lần vào ngày 25, bà P làm chủ hụi. Bà V tham gia 03 phần, trong đó:

Phần hụi bà P bán cho bà V: Với giá 37.000.000 đồng, bà mua phần hụi này của bà P nhưng ghi là Cẩm Nhung (con gái bà P) trong danh sách hụi, bán cho bà tại lần khai thứ 4 với giá 36.950.000 đồng, làm tròn 37.000.000 đồng. Phần này bà đã bỏ thăm hốt và giữa bà với bà P thỏa thuận bà P trả cho bà 47.700.000 đồng, có làm giấy tay. Bà P đã trả cho bà được 31.500.000 đồng và còn nợ lại bà 16.200.000 đồng.

Phần hụi bà mua của bà Lê Thị A: Với giá 20.000.000 đồng vào ngày 25/01/2013 (âl), tại lần khai thứ 10, hụi này là hụi sống, việc chia lại có làm giấy tay giữa bà V và bà A nhưng có sự đồng ý của bà P và sau khi chia lại cho bà thì bà A không còn trách nhiệm gì nữa. Sau khi mua thì bà tiếp tục đóng hụi sống cho bà P đến khi hụi bị ngưng tại lần khai thứ 16, nhưng số tiền vốn đóng bao nhiêu thì bà không nhớ. Khi ngưng hụi bà P thỏa thuận sẽ trả cho những người hụi sống còn lại theo giá hụi chết là 3.000.000 đồng, nên 16 phần bà P xin bớt 01 phần, còn lại 15 phần $\times 3.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Phần hụi này bà P nợ bà là 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà chỉ yêu cầu trả tiền vốn đã đóng là 19.430.000 đồng.

+ *Phần hụi bà trực tiếp tham gia:* Là hụi sống, bà đóng được 16 phần với số tiền vốn bao nhiêu bà không nhớ. Nhưng khi ngưng hụi bà P thỏa thuận sẽ trả cho những người hụi sống còn lại theo giá hụi chết là 3.000.000 đồng, nên 16 phần, bà P xin bớt 01 phần, còn lại 15 phần $\times 3.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Nên phần

hụi này bà P nợ bà là 45.000.000 đồng, bà P trả cho bà được 18.000.000 đồng còn nợ 27.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V chỉ yêu cầu bà P trả tiền vốn đã đóng là 19.430.000 đồng, bà P đã trả được 18.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 1.430.000 đồng.

Tổng cộng 03 phần hụi của dây thứ 6 bà P còn nợ bà là 37.060.000 đồng.

Vợ chồng bà V yêu cầu bà P cùng chồng là ông A1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi và nợ vay là 70.780.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất, trong đó gồm:

- + Tiền nợ vay: 3.5 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng;

- + Tiền nợ hụi: 50.780.000 đồng.

Ông H thống nhất với phần trình bày của bà V vợ ông, không ý kiến gì khác.

Chi phí giám định: Với số tiền 600.000 đồng, vợ chồng bà V tự nguyện chịu toàn bộ, không có yêu cầu gì số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P và cũng là người nhận ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng A 1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà P chỉ thừa nhận có nợ tiền hụi là 34.580.000 đồng, tiền nợ vay đã trả xong, cụ thể:

- + Đối với khoản tiền vay:

Bà V có cho bà vay 20.000.000 đồng trước vào năm 2011, thời gian cụ thể không nhớ, có làm giấy tay. Lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để làm ăn, khi vay không thỏa thuận thời gian trả.

Đến năm 2012 bà vay tiếp 15.000.000 đồng, nhưng bà V đưa cho bà 3.5 chỉ vàng 24K để đi bán, số tiền bán bà không nhớ cụ thể, sau khi bán bà đưa giấy bán vàng cho bà V xem và bà V đưa thêm tiền mặt cho đủ 15.000.000 đồng. Lần vay này có làm giấy tay chung với giấy vay 20.000.000 đồng trước đó, lãi suất 5%/tháng, mục đích mượn để mua xe. Số tiền lãi đóng được bao nhiêu bà không nhớ và cũng không có yêu cầu gì.

Nay đối với số tiền vay bà thừa nhận có nợ 35.000.000 đồng gồm 20.000.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 24K (trong đó 3.5 chỉ vàng 24K đã thỏa thuận quy ra thành tiền là 15.000.000 đồng) nhưng bà đã trả xong cho bà V vào ngày 10/6/2014 (âl) khi trả không có giấy tờ, trả bằng hình thức tiền hụi, bà V tham gia chơi hụi do bà làm chủ sau đó bà V hốt lấy tiền và bà có nghĩa vụ đóng hụi chết thay bà V để trả số tiền vay này.

- + Đối với khoản tiền nợ hụi:

Bà V có tham gia 06 dây hụi do bà làm chủ hụi. Cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 200.000 đồng khởi khai ngày 25/8/2013 (âl);

- Dây hụi thứ hai: Hụi 200.000 đồng khởi khai ngày 06/9/2013 (âl);

Đối với 02 dây hụi này bà thừa nhận còn nợ bà V mỗi dây hụi là 2.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 500.000 đồng, khởi khai ngày 05/4/2012 (âl):

Dây hụi này bà thống nhất với phần trình bày của bà V về số phần, thời gian khai hụi, ngưng hụi. Dây hụi này bị ngưng giữa chừng tại lần khai thứ 24 ngày 05/3/2014 (âl) do hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi lại, bà không choàng nổi. Số tiền vốn của 24 lần khai hụi mà hụi sống đóng thực tế là 5.796.000 đồng và phần hụi này bà đã trả cho bà V 8.000.000 đồng, còn dư lại 2.204.000 đồng. Bà có yêu cầu cần trừ vào số nợ bà còn nợ bà V.

- Dây hụi thứ 4: (Hụi tháng) 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 15/9/2013 (âl):

Dây hụi này bà thống nhất với phần trình bày của bà V về thời gian khai hụi, ngưng hụi. Dây hụi này bị ngưng giữa chừng tại lần khai thứ 13 ngày 15/3/2014 (âl) do hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi lại, bà không choàng nổi. Số tiền vốn của 13 lần khai hụi mà hụi sống đóng thực tế là 7.570.000 đồng, thực tế phần hụi này bà đã trả cho bà V 10.000.000 đồng, còn dư lại 2.430.000 đồng. Bà có yêu cầu cần trừ vào số nợ bà còn nợ bà V.

- Dây hụi thứ 5: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 30/11/2012 (âl):

Dây hụi này bà thống nhất với phần trình bày của bà V bà thống nhất còn nợ bà V số tiền là 9.720.000 đồng.

- Dây hụi thứ 6: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/8/2011 (âl):

Dây hụi này bà thống nhất với phần trình bày của bà V về số phần hụi, thời gian khai hụi, ngưng hụi. Dây hụi này bị ngưng giữa chừng tại lần khai thứ 16 ngày 25/01/2014 (âl) do hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi lại, bà không choàng nổi. Số tiền vốn của 16 lần khai hụi mà hụi sống đóng thực tế là: 19.430.000 đồng.

Dây hụi này, bà V tham gia 03 phần:

+ Đối với phần hụi bà V trực tiếp tham gia bà thống nhất với lời trình bày bà V bà đồng ý còn nợ bà V 1.430.000 đồng.

+ Đối với phần hụi mua của bà Lê Thị A bà thống nhất với lời trình bày của bà V bà đồng ý nợ bà V số tiền 19.430.000 đồng.

+ Đối với phần hụi bà P bán lại cho bà V, 02 bên đã thỏa thuận bà trả cho bà V 47.700.000 đồng có làm giấy tay, bà cho rằng đã trả xong số tiền trên cho bà V bằng hình thức chơi hụi của bà Út 10, tại xã Long Hòa.

Đối với dây hụi này bà P chỉ nhận còn nợ bà V là 20.860.000 đồng.

Tổng cộng 06 dây hụi bà thừa nhận nợ bà V là 34.580.000 đồng.

Tại đơn phản tố đề ngày 08/9/2016 bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A 1 yêu cầu:

Bà V, ông H phải trả cho vợ chồng bà số tiền hụi do bà trả cho bà V dư ra của dây hụi thứ 3 (Hụi tháng) hụi mệnh giá 500.000 đồng, khởi khai ngày 05/4/2012 (âl) với số tiền là 2.204.000 đồng và dây hụi thứ 4 (Hụi tháng) hụi mệnh giá 1.000.000

đồng, khởi khai ngày 15/9/2013 (âl) là 2.430.000 đồng. Tổng cộng là 4.634.000 đồng. Yêu cầu cần trừ số tiền này vào số tiền nợ hui bà nợ bà V là: 34.580.000 đồng – 4.634.000 đồng = 29.946.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh A trình bày:

Bà có tham gia 02 phần hui do bà P làm chủ, hui mệnh giá 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/8/2011 (âl), bà đã hót 01 phần, còn 01 phần hui sống bà đóng được 10 kỳ sau đó bán lại cho bà Nguyễn Thị V với số tiền bán là: 20.000.000 đồng vào ngày 25/01/2013 (âl), khi bán cho bà V thì có bà P là chủ hui đồng ý. Sau khi bán phần hui này cho bà V xong thì từ lúc bán trở về sau sẽ do bà V chịu trách nhiệm đóng hui cho bà P, như vậy phần hui bán này bà không còn trách nhiệm gì nữa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đối với bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A 1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H số tiền là 70.780.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 24K, trong đó tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 24K; tiền nợ hui là 50.780.000 đồng .

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện tại đây hui thứ 3 hui mệnh giá 500.000 đồng khai ngày 05/4/2012(âl) và đây hui thứ 4 hui mệnh giá 1.000.000 đồng khai ngày 15/9/2013 (âl) của bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đối với bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A 1.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 số tiền nợ hui là 4.634.000 đồng .

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành bản án.

Ngày 28/9/2017, bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 53/2017/DSST, ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do:

- Đối với phần tiền vay 20.000.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 24K bà đã trả với hình thức đóng hui chết cho bà V đến mãn phần hui với tổng số tiền là 36.000.000 đồng.

- Đối với đây hui 3.000.000 khởi hui ngày 25/8/2011 do bà P làm chủ bà V là hui viên, bà V có tất cả 03 phần hui (bà V trực tiếp tham gia 01 phần, 01 phần do bà P bán lại cho bà V và 01 phần do bà Ánh A bán cho bà V). Đối với phần hui bà

P bán lại cho bà V, hai bên đã thỏa thuận bà trả cho bà V 47.700.000 đồng số tiền này bà P đã trả xong nhưng bà V cho rằng bà P chỉ trả được 31.500.000 đồng, còn lại 16.200.000 đồng từ đó cấp sơ thẩm buộc bà trả cho bà V số tiền còn lại là 16.200.000 đồng bà không đồng ý.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản sơ thẩm.

Các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P;

+ Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2017/DS-ST, ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với khoản tiền vay:

Bà V, ông H khởi kiện yêu cầu bà P, ông A1 trả 3.5 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng là căn cứ vào giấy tay mượn tiền và vàng ngày 10/9/2012 (Bút lục 206). Trong quá trình giải quyết vụ án bà P thừa nhận có mượn của bà V số tiền và vàng này, giấy mượn tiền và vàng này đúng là chữ ký của bà. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ không phải chứng minh. Bà P cho rằng đã trả xong nhưng không chứng minh được việc trả nợ của mình mặc dù Tòa án có ra yêu cầu giao nộp chứng cứ để chứng minh việc bà trả nhưng bà P không chứng minh được. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bà P trả 3.5 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng cho bà V là có căn cứ.

[2] Đối với khoản tiền hụi:

Tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng bà V xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với:

Dây hụi thứ 3, hụi 500.000 đồng khai ngày 05/4/2012 (âl) với số tiền là 5.796.000 đồng và dây hụi thứ 4, hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/9/2013 (âl) với số tiền 7.570.000 đồng nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đối với đối với 02 dây hụi này là có căn cứ.

Như vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P, ông A1 trả số tiền của 04 dây hụi còn nợ là 50.780.000 đồng, bà P, ông A1 chỉ thừa nhận còn nợ bà V là 34.580.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P và bà V thống nhất được số tiền hụi bà P còn nợ bà V tại những dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 200.000 đồng khởi khai ngày 25/8/2013 (âl) bà P còn nợ bà V 2.000.000 đồng;

Dây hụi thứ 2: hụi 200.000 đồng khởi khai ngày 06/9/2013 (âl) bà P thừa nhận còn nợ bà V là 2.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 30/11/2012 (âl) bà P còn nợ bà V số tiền là 9.720.000 đồng.

Dây hụi thứ 6: Hụi 3.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/8/2011 (âl) dây hụi này, hai bên đều thống nhất bà V tham gia 03 phần:

- Đối với phần hụi bà V trực tiếp chơi là hụi sống: Hai bên thống nhất bà P chỉ còn nợ bà V số tiền là 1.430.000 đồng.

- Đối với phần hụi bà A bán cho bà V: Hai bên thống nhất bà P còn nợ bà V số tiền là 19.430.000 đồng.

Như vậy các bên đương sự chưa thống nhất được số tiền hụi bà P còn nợ lại 01 phần hụi của dây thứ 6 (là phần hụi bà V mua lại của bà P):

- Đối với phần hụi này bà V và bà P đã thỏa thuận khi ngưng hụi bà P trả cho bà V 47.700.000 đồng và có làm giấy tay, bà P thừa nhận chữ ký P trong giấy này là của bà nhưng đã trả cho bà V xong số tiền 47.700.000 đồng, bà V cho rằng bà P chỉ trả được 31.500.000 đồng, còn nợ lại 16.200.000 đồng.

- Chứng cứ bà P chỉ cung cấp là các giấy viết tay kết nợ giữa bà và bà V (Bút lục 57, 56) và trả bằng hình thức tham gia hụi bà Út 10 tại xã Long Hòa để trả nợ cho bà V.

Xét thấy: Các giấy tay này mặc dù do bà V viết nhưng không có chữ ký xác nhận của bà P và cũng không có nội dung nào thể hiện bà P đã trả 47.700.000 đồng cho bà V nên không thể dựa vào các giấy tay này làm cơ sở để xác định bà P đã trả 47.700.000 đồng cho bà V.

Đối với việc bà P cho rằng trả nợ cho bà V bằng hình thức tham gia hụi của bà Út 10 tại xã Long Hòa, xét thấy: Qua xác minh lấy lời khai bà Út 10 có họ tên đầy đủ là Nguyễn Ngọc Nga (Bút lục 166 đến 169), bà xác định đúng là bà V, bà P đều có tham gia chung 01 dây hụi 2.000.000 đồng ngày 01/02/2015 (âl) do bà làm chủ hụi, hụi gồm 22 phần, mỗi người 01 phần, bà V có đến bỏ thăm dùm cho bà P 01 lần và lần này hốt được hụi vào tháng 4/2015, bà nghe bà V và bà P đều nói là bà P hốt để trả nợ cho bà V nhưng khi giao tiền hốt hụi của phần hụi bà P thì bà đưa trực tiếp cho bà P với số tiền là 31.120.000 đồng, còn việc bà P có trả cho bà V tiền nợ không thì bà không biết.

Như vậy, phần hụi này bà P đã thừa nhận có nợ bà V 47.700.000 đồng, những chứng cứ bà P cung cấp qua xem xét là không cơ sở để chứng minh cho việc bà P trả số tiền 47.700.000 cho bà V. Đồng thời bà V chỉ thừa nhận bà P có trả 31.500.000 đồng số tiền còn nợ lại 16.200.000 đồng bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà V. Bà P kháng cáo cho rằng đã trả xong phần hụi này là không có cơ sở nên không được chấp

nhận.

Tổng cộng số tiền hui của 04 dây hui bà V yêu cầu bà P trả 50.780.000 đồng là có cơ sở nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà V là có căn cứ.

[3] Việc bà P vay tiền để sử dụng mục đích chung của gia đình, cũng như việc làm chủ hui mặc dù chỉ bà P đứng ra giao dịch. Tuy nhiên, theo giấy tờ ghi hui đều thể hiện hai vợ chồng bà P, ông A1 là chủ hui và tại phiên tòa bà P xác định việc chơi hui là nhằm mục đích kiếm lời sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, ông A1 là chồng cũng đồng ý cùng bà P liên đới trả cho vợ chồng bà V số tiền nợ hui và vay mà vợ chồng ông bà còn nợ. Vì vậy, ông A1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng bà V số tiền trên là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Yêu cầu khởi kiện của bà V, ông H được chấp nhận toàn bộ nên bà P, ông A1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.172.500 đồng.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474; 479, 298 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đối với bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H số tiền là 70.780.000 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và 3.5 (Ba phẩy năm) chỉ vàng 24K, trong đó tiền nợ vay là 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng) và 3.5 (Ba phẩy năm) chỉ vàng 24K; tiền nợ hui là 50.780.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 chưa thi hành khoản tiền 70.780.000 đồng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện tại đây hội thứ 3 hội mệnh giá 500.000 đồng khai ngày 05/4/2012 (âl) và đây hội thứ 4 hội mệnh giá 1.000.000 đồng khai ngày 15/9/2013 (âl) của bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đối với bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

5. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 số tiền nợ hội là: 4.634.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 phải liên đới chịu 4.172.500 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 116.000 đồng (Một trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001955 ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng A1 còn phải liên đới nộp tiếp 4.056.500 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H phải liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.155.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010066 ngày 03 tháng 11 năm 2016 và 815.000 đồng (Tám trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010065 ngày 03 tháng 11 năm 2016 và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010163 ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 3.420.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.037.500 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001636 ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bến Tre.

7. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và thực tế bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H đã nộp đủ.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005979 ngày 28/9/21017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Y, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu H.S, V.P, phòng KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng